

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112 /2023/HSST
Ngày 17/ 7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung
2. Bà Mùa Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Đ.

- Đại diện VKSND Thành Phố Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành Phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 92/2023/HSST ngày 07/4/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:106/2023/QĐXX-HS ngày 24/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 22 ngày 19/6/2023 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: Nguyễn Thành T .Tên gọi khác:Không

Sinh năm 1985. Tại tỉnh T

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 3, phường N, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 10/12

Con ông: Nguyễn Văn M (đã chết), con bà: Hoàng Thị H, sinh năm:1950; Gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con Tiền sự: Không. Tiền án: Không: Nhân thân: Ngày 31/8/2004, bị UBND tỉnh Đ, Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng. Đã chấp hành xong, được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Ngày 25/8/2011, bị UBND tỉnh Điện Biên Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng. Đã chấp hành xong, được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 10/7/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đì xử phạt 24 tháng tù, về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 06/02/2016 chấp hành xong án phạt tù. Bản án đã được xóa án tích.

Ngày 14/01/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 20 tháng. Ngày 17/8/2020 chấp hành xong, được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ trong vụ án này ngày 13/11/2022, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ tên: Lê Duy H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1986, tại tỉnh Đ

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông Lê T, sinh năm 1946; Con bà Nguyễn Thị B- Sinh năm: 1954; Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ 2; Vợ: Nguyễn Thị Hồng Thanh (đã chết) bị can có 01 con sinh năm 2013. Tiền sự: Không; Tiền án 04 tiền án. Ngày 24/5/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt 24 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Bản án chưa được xóa án tích do bị cáo chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường dân sự.

Ngày 30/12/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, bản án chưa được xóa án tích.

Ngày 26/8/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã My áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 24 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản, bản án chưa được xóa án tích. Ngày 09/6/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 08 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến ngày 01/02/2022 chấp hành xong án phạt tù. Bản án chưa được xóa án tích.

Ngày 12/8/2002 bị UBND tỉnh L Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 18 tháng. Đã chấp hành xong, được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ trong vụ án này ngày 13/11/2022, bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Nguyễn Ngọc D. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1988, tại Điện Biên.

Nơi ĐKNKTT: Bản L, xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên

Chỗ ở: Tổ dân phố 5, Phường M, thành phố Điện B, tỉnh Điện Biên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 7/12

Con ông: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965. Con bà: Lò Thị P (đã chết) Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 07/9/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã M áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 07 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 26/01/2022 chấp hành xong án phạt tù, bản án chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt ngày 13/11/2022, bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 00 giờ ngày 13/11/2022, Trung đi bộ từ nhà đến đầu bản Xôm, xã T huyện Đ, tỉnh Điện Biên để tìm mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Tại đây, T gặp một người đàn ông (không biết tên và địa chỉ) và hỏi mua được 30 viên Hồng phiến (Methamphetamine) gói trong mảnh nilon màu đen với giá 600.000 đồng. Khi về nhà, T lấy 03 viên Methamphetamine ra sử dụng hết bằng hình thức hút, vút mảnh nilon màu đen đi. Sau đó, T lấy 01 mảnh nilon màu hồng gói 12 viên Methamphetamine cùng các mảnh vụn thành 01 gói; cho 15 viên Methamphetamine còn lại và gói bên ngoài bằng 01 túi nilon màu trắng loại túi có mép dính rồi cất túi đó vào ngăn kéo bàn thờ. Khoảng 06 giờ cùng ngày, Trung lấy 03 viên Methamphetamine ra sử dụng hết 02 viên, còn 01 viên đang sử dụng dở Trung để trên chiếu trong phòng.

Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, Lê Duy H rủ Nguyễn Ngọc D đi mua Methamphetamine để cùng nhau sử dụng, D đồng ý. H lấy điện thoại di động sim số 0398378789 gọi điện đến số máy 0386885098 của Nguyễn Thành Trung hỏi mua 200.000 đồng Methamphetamine. T đồng ý và lấy 07 viên Methamphetamine ra để bán cho H 06 viên, 01 viên còn lại để bản thân sử dụng. Khoảng 15 phút sau, H và D đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 27B2-168.46 đến nhà T. T đưa cả hai lên phòng thờ và chỉ tay về phía 06 viên Methamphetamine đã để sẵn trên chiếu, Hiền đến lấy. Đồng thời H thấy trên chiếu có sẵn ống điếu, bật lửa, giấy bạc nên cùng D ngồi xuống chiếu sử dụng Methamphetamine. Sau đó T cũng ngồi xuống chiếu, H đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để trả 200.000 đồng tiền mua Methamphetamine. Trung cầm tiền và trả lại cho Hiền 300.000 đồng. Cùng lúc, T dùng 01 mảnh giấy bạc và bật lửa sử dụng riêng 01 viên Methamphetamine của mình đã đặt sẵn ở góc chiếu cùng viên Methamphetamine đang sử dụng dở. Sau khi sử dụng xong T cất ống điếu, hai chiếc bật lửa ở chân bàn thờ và vút 01 mảnh giấy bạc đi. Còn H và D sử dụng hết 04 viên Methamphetamine, 02 viên còn lại H nhét hai mảnh nilon màu trắng gói lại thành một gói cất vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi cùng D đi về. Hồi 13 giờ 05 phút cùng ngày, khi D điều khiển xe máy chở H đi đến khu vực tổ dân phố 8, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ thì bị tổ công tác Công an thành phố Đ kiểm tra, phát hiện thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của H: 01 gói chứa 02 viên Methamphetamine, có khối lượng 0,21 gam cùng 300.000 đồng và 01 điện thoại di động; thu giữ của D 01 điện thoại di động.

Hồi 15 giờ ngày 13/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở đối với Nguyễn Thành T tại số nhà 65, tổ dân phố 3, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ. Qua khám xét thu giữ trong phòng thờ nhà T: 01 túi nilon màu trắng bên trong có 05 viên Methamphetamine và 01 gói nilon màu hồng trong chứa 12 viên Methamphetamine cùng các mảnh vụn màu hồng là Methamphetamine có tổng khối lượng 1,79 gam; 01 ống điếu tự chế; 02 chiếc bật lửa gas; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12S sim số 0386885098 và 500.000 đồng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 13/11/2022 đã xác định: 02 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp thu giữ khi bắt quả tang của Lê Duy H và Nguyễn Ngọc D có khối lượng là 0,21 gam (ký hiệu M) gửi toàn bộ giám định.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 13/11/2022 đã xác định: 17 viên nén màu hồng cùng các mảnh vụn nghi ma túy tổng hợp thu giữ khi bắt quả tang của Nguyễn Thành T có khối lượng là 1,79 gam (ký hiệu K), gửi toàn bộ giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1476/KL-KTHS ngày 20/11/2022 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận: Hai mẫu các viên màu hồng ký hiệu M và K gửi giám định thu giữ của Nguyễn Thành T và Lê Duy H là chất ma túy loại Methamphetamine. Hoàn lại đối tượng giám định M: 0,08gam: K: 1,27gam.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKSĐB ngày 07/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về các tội: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 256 và tội: Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Lê Duy H về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Ngọc D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 BLHS;

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 256/ BLHS; khoản 1 Điều 251. Điều 38 điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS

Xử phạt bị cáo Trung từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 251/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS

Xử phạt bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

Áp dụng điều 55/BLHS tổng hợp hình phạt cả 2 tội từ 11 đến 12 năm tù.

- **Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Duy H** về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm o Khoản 2 Điều 249/ BLHS; Điểm s, t Khoản 1 Điều 51/BLHS; Điều 38; Điều 17; Điều 58/BLHS. Xử phạt bị cáo Hiền từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58/BLHS: Xử phạt bị cáo D từ 18 tháng đến 21 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng Khoản 1 Điều 47BLHS; Khoản 2; điểm a Khoản 3 Điều 106/BLTTHS về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 1,35 gam Methamphetamine được hoàn lại sau giám định; 02 mảnh nilon màu trắng, 01 túi nilon màu trắng; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 ống điều tự tạo bằng vỏ chai nhựa; 02 chiếc bật lửa ga hiệu Thống nhất; 01 sim điện thoại Viettl. Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 200.000đ của bị cáo Trung bán ma túy mà có. 01 chiếc điện thoại di động hiệu

Redmi Note 11 Pro màu đen màn hình cảm ứng của bị cáo Hiền dùng làm công cụ phạm tội.s.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136/ BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326 các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo cũng hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND thành phố Đ không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của các bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thành T và Lê Duy H và Nguyễn Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mọi lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trung thấy rằng:

Ngày 13/11/2022, Nguyễn Thành T đã bán cho Lê Duy H 06 viên còn lại 02 viên H gói lại cất giấu vào túi quần đem về bị bắt quả tang, cân khối lượng là 0,21gam giám định là chất ma túy loại Methamphetamine. Số ma túy còn lại T cất giấu trái phép 1,79 gam Methamphetamine trong nhà với mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời nên phải chịu trách nhiệm về tổng khối lượng là 02 gam Methamphetamine. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251/BLHS. Ngoài ra bị cáo còn trực tiếp cho H và D sử dụng chất ma túy tại phòng thờ nhà bị cáo. Nên phạm vào tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" đối với 2 người trở lên theo điểm d khoản 2 Điều 256/BLHS.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo H thấy rằng: Do có mối quan hệ là bạn bè quen biết với D. Khoảng hơn 12 giờ ngày 13/11/2022 H đã rủ D đến nhà Trung mua ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân, H gọi điện thoại trước cho T hỏi mua 200.000đ Methamphetamine. Khi đến nhà T, T bán cho H 06 viên Methamphetamine. Sau đó H và D sử dụng tại nhà T hết 4 viên còn 2 viên Methamphetamine đem về bị bắt khối lượng là 0,21gam. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249/BLHS. Nhưng do bị cáo **Lê Duy H đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.**

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc D thấy rằng: Ngày 13/11/2022 D đã chở H và cùng H đến nhà T để mua ma túy rồi cùng sử dụng tại nhà T, sử dụng xong D điều khiển xe chở H trên đường về nhà thì bị bắt thu giữ trong túi quần H 02 viên Methamphetamine. Khối lượng là 0,21gam Methamphetamine. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249/BLHS, đồng phạm với vai trò giúp sức cùng

bị cáo Hiền. Bị cáo Nguyễn Ngọc D đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[5]. Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Tg, H phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo D phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa bàn phường N nói riêng và thành phố Đ nói chung, Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Bởi vì ma túy là một hiểm họa của nhân loại, đồng thời ma túy cũng là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác. Chính vì thế mà Nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi có liên quan đến ma túy, đặc biệt là việc “Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy”, các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ chất, chứa chấp ma túy là vi phạm pháp luật, song vì hám lời bị cáo T vẫn cố tình thực hiện hành vi mua bán còn bị cáo H và D vì nhu cầu của bản thân nghiện ma túy nên đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp nên cần phải xử lý các bị cáo nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành T cho thấy: Ngày 10/7/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 24 tháng tù, về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 06/02/2016 chấp hành xong án phạt tù. Bản án đã được xóa án tích. Bị cáo đã xóa án tích nhưng cho thấy nhân thân xấu, đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nhiều lần. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, Nguyễn Thành T không có tình tiết tăng nặng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo tiếp tục cai nghiện cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội

[6]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Duy H HĐXX thấy rằng: Bị cáo có 4 tiền án vào các năm 2005, 2009, 2010 về tội trộm cắp tài sản. Ngày 09/6/ 2014 bị xử phạt 8 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" các bản án đều chưa được xóa án tích. Điều này cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có ý thức rèn luyện bản thân. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thành phố Điện Biên Phủ đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51/BLHS nhưng trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa không thể hiện bị cáo giúp đỡ cơ quan điều tra bắt tội phạm số lượng vụ án cụ thể nên HĐXX không đủ căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo tiếp tục cai nghiện cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[7]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc D HĐXX thấy rằng: Bị cáo có 01 tiền án ngày 07/9/ 2016 bị xử phạt 7 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" bản án này chưa xóa án tích. Nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS. Điều này cho thấy bị cáo có nhân thân xấu. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo tiếp tục cai nghiện cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Xét đề nghị của đại diện VKS về mức hình phạt đối với cả 3 bị cáo là phù hợp HĐXX chấp nhận.

[8]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251/BLHS là phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy gia đình các bị cáo hoàn cảnh khó khăn không có khả năng thi hành. Cho nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trong quá trình điều tra bị cáo T khai nguồn gốc số ma túy là do mua của một người đàn ông không biết tên và địa chỉ ở bản X, xã T nên cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được. Nên HĐXX không xem xét.

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 27B2-168.46 mà bị cáo Dũng điều khiển là của Lưu Việt T; Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. T không biết D dùng làm phương tiện phạm tội.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12S Thu tại nhà Trung là tài sản hợp pháp của Hoàng Thị H; Sinh năm 1950; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc D. Ngày 22/02/2023. D không sử dụng điện thoại làm công cụ phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản trên cho các chủ sở hữu hợp pháp. HĐXX chấp nhận.

[9]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp được chấp nhận.

[10]. Vật chứng của vụ án cần áp dụng Khoản 1 Điều 47/BLHS; Khoản 2; Điểm a khoản 3 Điều 106 /BLTTHS về xử lý vật chứng.

Tịch thu tiêu hủy 1,35 gam Methamphetamine được hoàn lại sau giám định; 02 mảnh nilon màu trắng, 01 túi nilon màu trắng; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 ống điều tự tạo bằng vỏ chai nhựa; 02 chiếc bật lửa ga hiệu Thống nhất; 01 sim điện thoại Viettel. Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 200.000đ của bị cáo T bán ma túy mà có. 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 Pro màu đen màn hình cảm ứng của bị cáo H dùng làm công cụ phạm tội.

Trả lại cho bị cáo T 300.000đ; Trả lại cho bị cáo H 300.000đ

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội: "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Bị cáo Lê Duy H, Nguyễn Ngọc D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256/BLHS; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 07 năm 06 tháng tù tháng tù về tội."Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ khoản 1 Điều 251/BLHS; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 03 năm 06 tháng tù tháng tù về tội."Mua bán trái phép chất ma túy"

Căn cứ Điều 55/ BLHS tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 tội buộc bị cáo T phải chấp hành là 11 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (13/11/2022)

3. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249/BLHS; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58/BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Duy H 05 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (13/11/2022)

4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58/BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (13/11/2022)

5. Vật chứng của vụ án cần áp dụng Khoản 1 Điều 47/BLHS; Khoản 2; điểm a Khoản 3 Điều 106/BLTTHS về xử lý vật chứng.

Tịch thu tiêu hủy 1,35 gam Methamphetamine được hoàn lại sau giám định; 02 mảnh nilon màu trắng, 01 túi nilon màu trắng; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 ống điều tự tạo bằng vỏ chai nhựa đã qua sử dụng; 02 chiếc bật lửa ga hiệu Thống nhất; 01 sim điện thoại Viettel. Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 200.000đ của bị cáo T phạm tội mà có. 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 Pro màu đen màn hình cảm ứng kèm theo 01sim của bị cáo H dùng làm công cụ phạm tội. Trả lại cho bị cáo T 300.000đ; Trả lại cho bị cáo H 300.000đ

(Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ vào ngày (14/4/2023 mô tả theo biên bản giao nhận).

6. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thành T; Lê Duy H; Nguyễn Ngọc D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/7/2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ
- VKSND tỉnh ĐB
- VKSND TPĐiện B;
- Công an TP Điện B;
- Bộ phận HNV- CATP Đ;
- Sở TP tỉnh Đ;
- CCTHADS TP Đ;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên